

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Nguyễn Vũ Minh Hương **

Tóm tắt: Trong thời gian qua, Việt Nam đặc biệt quan tâm đến hoạt động phòng chống ô nhiễm nước đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tuy nhiên, công tác về phòng chống ô nhiễm môi trường nước ở Việt Nam vẫn bộc lộ nhiều lỗ hổng, hạn chế. Đây chính là một trong những nguyên nhân khiến cho những vụ ô nhiễm môi trường nước vẫn diễn ra trong thực tế, như vụ việc Formosa Hà Tĩnh, vụ việc Công ty Vedan Việt Nam, vụ việc Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2, vụ việc Sonadezi Long Thành, vụ việc Công ty Đóng tàu Hyundai Vinashin,... Liên quan đến địa bàn thành phố Hà Nội, có những vụ việc như gây ô nhiễm nước Sông Đà, nước hồ Tây,...

Bài viết phân tích thực trạng ô nhiễm nguồn nước và đề xuất giải pháp phòng chống ô nhiễm nước tại thành phố Hà Nội.

Từ khóa: Ô nhiễm, nguồn nước, chống ô nhiễm, giải pháp.

Summary: Recently, Vietnam has paid special attention to water pollution prevention in line with the country's sustainable development goals. However, the prevention of water pollution in Vietnam still reveals many limitations. These limitations are one of the reasons for the occurrence of water pollution incidents, such as the Formosa Ha Tinh case, Vedan Vietnam Company, Vinh Tan 2 Thermal Power Plant, Sonadezi Long Thanh, and the case of the Shipbuilding Company Hyundai Vinashin. Among them, there are cases that occurred in and related to Hanoi city, such as the case of Song Da water pollution, the pollution of West Lake water. The article analyzes the current situation of water pollution and proposes solutions to prevent water pollution in Hanoi city.

Keywords: Water pollution, fight against water pollution, solutions to combat water pollution.

1. Giới thiệu

Môi trường nước được hiểu là môi trường mà những cá thể tồn tại, sinh sống và tương tác qua lại đều bị ảnh hưởng và phụ thuộc vào nước. Môi trường nước có thể bao quát trong một lưu vực rộng lớn hoặc chỉ chứa trong một giọt nước. Môi trường nước là đối tượng nghiên cứu

của nhiều ngành khoa học tự nhiên, kỹ thuật và cả kinh tế - xã hội. Ô nhiễm môi trường nước được hiểu là sự biến đổi các thành phần của nước theo hướng bất lợi với cuộc sống của con người, của động vật, thực vật mà sự thay đổi đó chủ yếu lại chính do hoạt động của con người gây ra với quy mô, phương thức và mức độ

* Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

khác nhau, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp làm thay đổi mô hình, tính chất vật lý và sinh học của nước.

Hà Nội là thành phố đông dân thứ hai trong nước, với khoảng hơn 10 triệu người, mật độ 2.398 người/km², cao gấp 8,2 lần so với mật độ dân số cả nước. Tình trạng ô nhiễm nước của Hà Nội đang ở mức báo động: nước thải sinh hoạt trực tiếp xả ra nguồn tiếp nhận (sông, hồ, kênh, mương), nhiều cơ sở sản xuất không xử lý nước thải, nhiều bệnh viện và cơ sở y tế chưa có hệ thống xử lý nước thải, một lượng lớn chất thải rắn trong thành phố không được thu gom triệt để,... Do đó, Hà Nội cần phải được quan tâm khẩn thiết hơn việc thực hiện đúng quy định của pháp luật về phòng chống và khắc phục ô nhiễm môi trường nước của mình.

2. Thực trạng ô nhiễm nguồn nước tại thành phố Hà Nội

2.1. Các nguồn gây ô nhiễm nước mặt

Chất lượng nước mặt tại thành phố Hà Nội bị ô nhiễm bởi các nguồn sau: nước thải sinh hoạt (81%), nước thải công nghiệp (3%), nước thải y tế (1%) và nước thải làng nghề (15%).

Nước thải sinh hoạt bao gồm nước thải từ các hoạt động sinh hoạt của các hộ dân và từ các cơ sở kinh doanh dịch vụ (nhà hàng, khách sạn, khu du lịch). Tỷ lệ nước thải sinh hoạt trên tổng lượng nước thải trực tiếp ra môi trường chiếm khoảng 30%. Lượng nước thải phát sinh trên một đơn vị diện tích đất khu vực đô thị lớn hơn nhiều so với khu vực nông thôn. Trong đó, Hà Nội chiếm 37% tổng lượng nước thải sinh hoạt của khu

vực đồng bằng sông Hồng. Hiện chỉ có 12,5% nước thải sinh hoạt từ các đô thị loại IV trở lên được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn.

a) Ước tính tổng lượng nước thải sinh hoạt khu vực đô thị phát sinh chiếm khoảng 81% các nguồn thải chính phát sinh trên địa bàn Hà Nội. Lượng nước thải sinh hoạt được xử lý chiếm tỷ lệ chưa cao (khoảng 28,8%), còn lại hầu hết chưa được xử lý và xả vào các sông, mương thoát nước, ao hồ trên địa bàn thành phố.

b) Ước tính trung bình một ngày khu vực các huyện ngoại thành Hà Nội sử dụng hàng trăm nghìn m³ nước. Lượng nước sinh hoạt một phần tái sử dụng cho tưới tiêu, một phần được xả thải trực tiếp ra môi trường tự nhiên. Báo cáo “Hiện trạng môi trường nước năm 2020” cho thấy trung bình khoảng 60% hộ gia đình ở các đô thị Việt Nam đầu nối vào hệ thống thoát nước công cộng và thường có các công trình xử lý sinh hoạt đạt tiêu chuẩn tỷ lệ thuận với cấp đô thị. Các đô thị loại IV thu gom và xử lý nước thải đạt khoảng 12,5%, tăng 5% so với giai đoạn 2011-2015,

c) Tổng lượng nước thải phát sinh tại các khu công nghiệp khoảng trên 30 nghìn m³/ngày. Hiện 9/9 khu công nghiệp Hà Nội đã có nhà máy xử lý nước thải tập trung, hoạt động chính thức là: Bắc Thăng Long, Nội Bài, Quang Minh I, Nam Thăng Long, Hà Nội - Đà Tư, Phú Nghĩa và Thạch Thất - Quốc Oai. Riêng Khu công nghiệp Sài đồng B và Khu công viên công nghệ thông tin sử dụng chung nhà máy xử lý nước thải tập

trung đặt tại Khu công viên công nghệ thông tin.

Hầu hết các doanh nghiệp thứ phát trong các khu công nghiệp đã hoàn thiện việc đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung tại đây, không còn hiện tượng xả nước thải trực tiếp ra môi trường. Một số doanh nghiệp phát sinh nước thải sản xuất lớn đã tự xử lý và xin cấp phép xả thải trước khi xả ra môi trường, như Công ty TNHH Điện tử Meiko Việt Nam trong Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai, Công ty TNHH Meiko Thăng Long và Công ty TNHH Hoya Glass disk Việt Nam trong Khu công nghiệp Thăng Long và một số doanh nghiệp trong hai khu công nghiệp Nội Bài, Phú Nghĩa.

Hà Nội hiện có 70 cụm công nghiệp đang hoạt động nằm trên địa bàn 17 quận, huyện, thị xã. Mức độ phát sinh nước thải không thu tại các cụm công nghiệp kém các khu công nghiệp với mức trung bình 15-20 m³ nước thải/ha/ngày đêm. 26 cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải, chiếm tỉ lệ 37,1% trong tổng số.

d) Nước thải phát sinh từ các cơ sở y tế, như các cơ sở khám, chữa bệnh, đơn vị y tế dự phòng, cơ sở sản xuất thuốc, đào tạo, nghiên cứu về y dược,... và đặc biệt là từ các bệnh viện. Ở Hà Nội tập trung nhiều bệnh viện lớn. Lượng nước thải y tế phát sinh khoảng 28,6 triệu m³/năm và tăng theo thời gian. Theo quy định TCVN 4470:2012, định mức tiêu chuẩn nước trung bình 1m³/giường bệnh/ngày; có địa phương sử dụng 200-660 lít nước/giường bệnh/ngày đêm. Theo Bộ Y tế, tính đến năm 2019, khoảng 97,3%

lượng nước thải y tế ở Hà Nội được xử lý theo quy định.

e) Đến hết năm 2019, Hà Nội có 454 chợ, trong đó, 409 chợ được xếp hạng, tăng 4,1% so với năm 2017, 155 siêu thị và trung tâm thương mại, tăng 5,4%. Bình quân 1 quận, huyện, thị xã có 14 chợ, mỗi chợ phục vụ khoảng 15.165 người. Tổng lượng nước thải thương mại, du lịch ước khoảng trên 100 nghìn m³/ngày đêm.

Hà Nội hiện có khoảng trên 200 khách sạn 3-5 sao, tạo ra lượng khoảng 9.000 m³ nước thải/ngày. Các khách sạn lớn đều có công trình xử lý nước thải, ước tính khoảng 6.000 m³/ngày.

f) Hà Nội có 1.350 làng có nghề và chăn nuôi. Kết quả điều tra, khảo sát, lấy mẫu và phân tích nguồn nước tại 294 làng nghề giai đoạn 2017-2020 cho thấy, 232 làng nghề được phân loại ô nhiễm và ô nhiễm nghiêm trọng (chiếm 78,9%), 62 làng nghề không ô nhiễm (chiếm 21,1%). Tỷ lệ nước thải làng nghề được thu gom xử lý chỉ chiếm khoảng 5,2%. Theo Chi cục Bảo vệ môi trường Hà Nội (2018) nước thải của làng nghề khoảng 156.000 m³/ngày đêm. Theo đánh giá của Sở NN&PTNT Hà Nội, nước thải của số ít làng nghề được chuyển đến cụm công nghiệp có hệ thống xử lý, trong khi phần lớn đều xả thẳng ra môi trường, với mức độ ô nhiễm rất cao.

2.2. Các nguồn gây ô nhiễm nước dưới đất

Do khai thác chưa theo quy hoạch, nên đã gây ra sự suy giảm và hạ thấp mực nước ngầm cục bộ ở một số nơi. Nguồn nước bị ô nhiễm còn do nước từ

các bãi rác không được thiết kế xây dựng đúng kỹ thuật, từ các bể vệ sinh tự hoại, dư lượng phân hoá học và thuốc bảo vệ thực vật dùng trong sản xuất nông nghiệp thấm xuống, do nhiều hộ gia đình chưa có ý thức tiết kiệm nguồn nước trong chăn nuôi, vệ sinh chuồng trại, do kinh tế phát triển, nhiều nhà máy, xí nghiệp xuất hiện dẫn đến nhu cầu sử dụng nước tăng lên,...

3. Thực trạng phòng chống ô nhiễm môi trường nước ở Hà Nội

Sự ô nhiễm nghiêm trọng về nguồn nước hiện nay cho thấy cần có sự vào cuộc cấp bách của chính quyền Hà Nội. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, theo đánh giá của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố, công tác quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn đã có bước chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia “Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường giai đoạn 2016-2020”.

Trong thời gian tới, cũng như các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác, Hà Nội cần lưu ý thực hiện Đề án tổng kiểm kê tài nguyên nước quốc gia giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1383/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, với mục tiêu chung là công bố được các chỉ tiêu kiểm kê tài nguyên nước (lần đầu) các lưu vực sông liên tỉnh và trên phạm vi cả nước trên cơ sở các thông tin, số liệu kiểm kê được thực hiện chính xác, đồng bộ, đúng thời gian. Các kết quả kiểm kê về tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước là số liệu quan trọng phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài

nguyên nước, quy hoạch, điều hòa, phân bổ tài nguyên nước, làm cơ sở để hoàn thiện chính sách, pháp luật về tài nguyên nước và lập, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khai thác sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, hướng tới việc đảm bảo an ninh tài nguyên nước, phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số quốc gia, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực tài nguyên nước. Mục tiêu cụ thể của Đề án là có được các chỉ tiêu kiểm kê lần đầu về tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước, gồm: số nguồn nước mặt (các sông, suối, kênh, rạch, hồ, đầm, phá), lượng nước mặt (tổng lượng dòng chảy, lượng nước mặt chảy vào, ra khỏi biên giới quốc gia, tổng lượng nước di chuyển giữa các lưu vực sông và tổng dung tích các hồ chứa trên phạm vi cả nước và theo lưu vực sông), chất lượng nước mặt; khai thác, sử dụng nước mặt (danh mục các công trình khai thác, sử dụng; mục đích khai thác; lượng nước khai thác); số nguồn nước dưới đất (số các tầng chứa nước), lượng nước dưới đất (trữ lượng tiềm năng, trữ lượng có thể khai thác trong các tầng chứa nước), chất lượng nước dưới đất (chỉ số độ tổng khoáng hóa để xác định diện tích phân bố nước mặn, nước ngọt trong các tầng chứa nước), khai thác, sử dụng nước dưới đất (danh mục các công trình khai thác, sử dụng; mục đích khai thác; lượng nước khai thác); nguồn nước mưa (tổng lượng mưa); khai thác, sử dụng nước biển (danh mục công trình khai thác, sử dụng; mục đích khai thác; lượng nước khai thác); xả nước thải vào nguồn nước (danh mục các

công trình xả nước thải; lưu lượng xả vào nguồn nước; loại hình nước thải).

Thời gian qua, UBND Hà Nội đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các quận, huyện, thị xã tăng cường quyết liệt thanh, kiểm tra và xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,... vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và tài nguyên nước. Với sự tích cực của các cơ quan liên ngành và sự hỗ trợ của cộng đồng nhân dân trong việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, tình hình tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp đã được cải thiện đáng kể, nhiều doanh nghiệp đã chủ động xây dựng các phương án xử lý chất thải của cơ sở mình.

Công tác thanh, kiểm tra về môi trường nước ngày càng được tăng cường. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiến hành thanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dự án sau khi được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường. Qua các đợt thanh, kiểm tra, nhìn chung, hầu hết các cơ sở đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường theo nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, một số cơ sở thực hiện chưa đúng với nội dung đã nêu, hoặc có hệ thống xử lý chất thải, nhưng kết quả chưa đạt yêu cầu.

Chủ yếu là các hành vi vi phạm quy định lập, thực hiện các nội dung cam kết bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, vi phạm tiêu chuẩn xả thải gây ô nhiễm môi trường. Hình thức xử lý chủ yếu là phạt tiền và áp dụng các

biện pháp khắc phục hậu quả, như buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu do vi phạm gây ra, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, buộc thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường,...

Tuy nhiên, do lực lượng cán bộ thanh, kiểm tra về tài nguyên nước mỏng, nên kết quả đạt được còn những hạn chế nhất định. Thành phố vẫn chưa kiểm soát được tình trạng hành nghề khoan nước dưới đất (một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất vượt quá mức quy định, không đăng ký, không xin cấp phép); một số cơ sở sản xuất, bệnh viện vẫn xả nước thải chưa qua xử lý, hoặc qua xử lý, nhưng chưa đạt tiêu chuẩn, vào nguồn nước..

4. Giải pháp

Quy định về phòng chống ô nhiễm môi trường nước cần được xây dựng để đạt mục tiêu mà Chiến lược phát triển bền vững đặt ra là: giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường; tăng cường xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải ở các đô thị và khu công nghiệp; tăng cường nghiên cứu các biện pháp xử lý nước thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; ngăn ngừa suy thoái và phục hồi chất lượng các nguồn nước, đặc biệt là phục hồi chất lượng nước ở các lưu vực sông chính; hoạt động phòng ngừa ô nhiễm phải được coi trọng hơn là khắc phục và xử lý hậu quả gây ô nhiễm. Với định hướng trên, tác giả xin đề xuất một số giải pháp như sau:

1) Bổ sung quy định về khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên nước, về nông nghiệp sinh thái, sản xuất và tiêu dùng bền vững, về lối sống, hành vi ứng xử thân thiện với môi trường, bổ sung những ưu đãi mới đã có trong các văn bản dưới luật.

2) Hoàn thiện các quy định về tính thuế môi trường, đặt cọc - hoàn trả, quyền chuyển nhượng giấy phép phát thải, chi trả dịch vụ hệ sinh thái, về tín dụng xanh; bảo đảm mức chi cho phòng chống ô nhiễm môi trường nước không dưới 30-40% tổng chi ngân sách công chi cho phòng chống ô nhiễm môi trường nước và tăng dần tỷ lệ này theo tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Thực tế cho thấy, thuế, phí môi trường sẽ không có hiệu quả nếu như thiếu sự ổn định trong kinh tế vĩ mô. Lạm phát cao thường làm mất đi giá trị thực của phí. Tuy nhiên, không nên điều chỉnh mức phí theo mức lạm phát vì khó thực hiện và thường gây ảnh hưởng tiêu cực về mặt chính sách. Cách điều chỉnh hiệu quả là áp dụng hệ thống tự điều chỉnh mức phí hằng năm theo chỉ số giá tiêu dùng. Điều này sẽ hạn chế được ảnh hưởng của lạm phát đến hiệu quả của việc áp dụng phí phòng chống ô nhiễm môi trường nước trong thực tế. Đối với trường hợp một hộ gia đình thành lập nhiều cơ sở sản xuất cùng một ngành nghề và sử dụng lưu lượng nước thải rất ít, chỉ nên thu phí đối với hộ gia đình. Lưu lượng nước thải tính phí cố định và phí biến đổi là tổng lượng nước thải của các cơ sở sản xuất của hộ gia đình. Quy định này vừa có tính khuyến khích

hộ gia đình làm kinh tế nhưng vừa đảm bảo được sự công bằng trong việc thu phí giữa các chủ thể.

3) Cần xem xét lại tình trạng chủ đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp tách rời với chủ đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung theo Quy chế bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp. Chỉ cho phép xây dựng hoặc cho phép khởi công công trình xây dựng nhà máy đối với các dự án khi đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc xác nhận; nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát việc vận hành các công trình xử lý nước thải trong giai đoạn thử nghiệm và thực hiện đúng quy hoạch phân khu chức năng khu công nghiệp nhằm đảm bảo giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường xung quanh.

4) Nghiên cứu đề xuất việc phân vùng chức năng của nguồn nước làm cơ sở quan trọng để xác định các nội dung chính của quy hoạch tài nguyên nước; thực hiện các hoạt động cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước nhằm quản lý, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên hiệu quả trong tình hình hiện nay và những năm tiếp theo.

5) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước hiện có để tổ chức quản lý tài nguyên nước mặt một cách toàn diện, bao gồm tất cả các thông tin liên quan đến mức độ ô nhiễm, tính chất nguồn

nước (ở cả ba phương diện: lý - hóa - sinh), đa dạng sinh học, chức năng của nguồn nước.

6) Đẩy nhanh dự án cải tạo hồ, cải tạo hệ thống thoát nước, thu gom, tách nước thải vào các sông, hồ; tiếp tục duy trì chất lượng các hồ đã xử lý ô nhiễm nước thành công; tiếp tục tìm kiếm công nghệ tiên tiến, hiệu quả và phù hợp với điều kiện của Hà Nội để xử lý ô nhiễm nước của các hồ trên địa bàn thành phố.

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2013). *Về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải*. Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013, Hà Nội.
2. Chính phủ (2013). *Hướng dẫn Luật Tài nguyên nước*. Nghị định 201/2013/NĐ-CP, Hà Nội.
3. Chính phủ (2014). *Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP*. Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014, Hà Nội.
4. Chính phủ (2015). *Hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường*. Nghị định 19/2015/NĐ-CP, Hà Nội.
5. Chính phủ (2015). *Quy định về xác định thiệt hại đối với môi trường*. Nghị định số 03/2015/NĐ-CP ngày 06/01/2015, Hà Nội.
6. Chính phủ (2016). *Về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải*. Nghị định số 154/2016/NĐ-CP, Hà Nội.

5. Kết luận

Tình trạng nguồn nước bị ô nhiễm tại Hà Nội rất đáng báo động và đã, đang ảnh hưởng lớn tới cuộc sống của người dân tại thời điểm hiện nay và cả trong tương lai, nếu không có biện pháp sớm xử lý, khắc phục. Tác giả hy vọng một số giải pháp đề xuất trên đây sẽ góp phần nhỏ bé vào công tác bảo vệ môi trường nước nói riêng và môi trường sống nói chung trên địa bàn Hà Nội./.